

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 14/7/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT1759	Hứa Đức Anh	14/12/1997	Lạng Sơn	Nam	7,7	8,5	Đạt	
2	CNTT1760	Nguyễn Thị Hồng Anh	14/02/1995	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,0	Đạt	
3	CNTT1761	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	19/09/1998	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	Đạt	
4	CNTT1762	Vũ Duy Bắc	12/01/1998	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	Đạt	
5	CNTT1763	Đinh Văn Chiến	11/10/1973	Lạng Sơn	Nam	7,5	6,5	Đạt	
6	CNTT1764	Nguyễn Hữu Chung	24/07/2003	Bắc Giang	Nam	6,5	8,0	Đạt	
7	CNTT1765	Trần Văn Chung	08/04/2001	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	Đạt	
8	CNTT1766	Hà Trọng Cường	24/02/1994	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	Đạt	
9	CNTT1767	Nguyễn Văn Diện	05/09/1990	Thanh Hóa	Nam	8,2	8,0	Đạt	
10	CNTT1768	Hoàng Thị Diệp	03/01/1974	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	Đạt	
11	CNTT1769	Hoàng Thị Đạt	02/11/1992	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	Đạt	
12	CNTT1770	Phạm Quý Hải Đăng	24/07/1998	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	Đạt	
13	CNTT1771	Hoàng Văn Diệp	24/04/1984	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	Đạt	
14	CNTT1772	Nông Thị Đình	01/10/1973	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
15	CNTT1773	Vi Thị Đoàn	20/03/1971	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	Đạt	
16	CNTT1774	Bàn Thị Giang	15/11/1995	Hà Giang	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
17	CNTT1775	Nguyễn Thị Hà	02/06/1994	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	Đạt	
18	CNTT1776	Nông Thị Hành	18/02/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,2	7,5	Đạt	
19	CNTT1777	Nông Thị Hạnh	26/04/1975	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
20	CNTT1778	Hoàng Thị	Hằng	10/09/1973	Lạng Sơn	Nữ	7,2	8,0	Đạt	
21	CNTT1779	Lộc Thu	Hằng	05/11/1975	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	Đạt	
22	CNTT1780	Nguyễn Thị	Hằng	23/06/1994	Thái Nguyên	Nữ	8,0	6,0	Đạt	
23	CNTT1781	Mai Thị	Hiền	05/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,0	Đạt	
24	CNTT1782	Nguyễn Thị	Hiền	24/08/1983	Hải Dương	Nữ	7,7	8,0	Đạt	
25	CNTT1783	Sầm Thị	Hiệu	22/04/1994	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
26	CNTT1784	Nông Thị	Hoài	29/11/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	Đạt	
27	CNTT1785	Nguyễn Thế	Hùng	16/08/2000	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	Đạt	
28	CNTT1786	Hoàng Thu	Huyền	28/03/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
29	CNTT1787	Trần Thu	Huyền	05/12/2003	Bắc Giang	Nữ	6,5	8,5	Đạt	
30	CNTT1788	Hoàng Tiến	Huỳnh	08/09/1979	Bắc Ninh	Nam	7,7	8,0	Đạt	
31	CNTT1789	Mẫn Thu	Hương	28/07/1990	Lạng Sơn	Nữ	8,5	8,0	Đạt	
32	CNTT1790	Nông Thị	Hương	14/04/1973	Lạng Sơn	Nữ	8,2	6,0	Đạt	
33	CNTT1791	Nguyễn Công	Khánh	05/11/1984	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,0	Đạt	
34	CNTT1792	Vũ Văn	Khánh	11/02/2003	Bắc Giang	Nam	6,7	7,5	Đạt	
35	CNTT1793	Nguyễn Thị	Khí	24/10/1981	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	Đạt	
36	CNTT1794	Trần Đăng	Khoa	18/09/1997	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	Đạt	
37	CNTT1795	Nguyễn Đào Tuệ	Lan	08/05/2003	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	Đạt	
38	CNTT1796	Hoàng Thị	Lan	18/08/1999	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,5	Đạt	
39	CNTT1797	Đặng Khắc	Lạng	06/05/1977	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	Đạt	
40	CNTT1798	Đinh Thị	Liễu	17/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	Đạt	
41	CNTT1799	Đặng Thị Thúy	Linh	12/09/1991	Bắc Ninh	Nữ	7,5	7,0	Đạt	
42	CNTT1800	Hoàng Thị	Loan	14/11/1995	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
43	CNTT1801	Chu Ngọc	Luân	15/08/1985	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	Đạt	
44	CNTT1802	Nông Thị	Luyên	07/12/1972	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
45	CNTT1803	Bế Thị	Luyến	14/04/1974	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	Đạt	
46	CNTT1804	Mã Thị	Luyến	23/06/1995	Lạng Sơn	Nữ	8,2	6,5	Đạt	
47	CNTT1805	Ma Thị	Lựu	14/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
48	CNTT1806	Phan Thanh	Nam	25/08/1997	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	Đạt	
49	CNTT1807	Bế Thị	Năm	24/05/1974	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,5	Đạt	
50	CNTT1808	Phùng Thị	Ngân	23/05/1993	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
51	CNTT1809	Nguyễn Ánh	Nguyệt	06/05/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	Đạt	
52	CNTT1810	Lương Thị	Nhàn	29/09/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	Đạt	
53	CNTT1811	Hoàng Thị	Phấn	20/08/1986	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,0	Đạt	
54	CNTT1812	Hà Mạnh	Phong	11/03/1996	Bắc Giang	Nam	7,7	8,5	Đạt	
55	CNTT1813	Triệu Bích	Phương	06/07/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,2	6,5	Đạt	
56	CNTT1814	Nguyễn Đức	Thái	02/01/1992	Hà Tĩnh	Nam	7,5	7,5	Đạt	
57	CNTT1815	Hứa Thị	Thanh	20/06/1976	Lạng Sơn	Nữ	7,2	6,0	Đạt	
58	CNTT1816	Ma Đức	Thắng	18/12/2001	Tuyên Quang	Nam	6,7	7,5	Đạt	
59	CNTT1817	Trần Văn	Thắng	10/10/1988	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,0	Đạt	
60	CNTT1818	Dương Văn	Thật	10/02/1988	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	Đạt	
61	CNTT1819	Nguyễn Thị	Thiêm	18/02/1995	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	Đạt	
62	CNTT1820	Mã Thanh	Thúy	08/11/1972	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,0	Đạt	
63	CNTT1821	Nông Thị	Thùy	13/10/1977	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,0	Đạt	
64	CNTT1822	Bế Thị	Thủy	16/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	8,5	7,0	Đạt	
65	CNTT1823	Đinh Thị	Thủy	15/12/1975	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
66	CNTT1824	Hoàng Văn Tiến	11/08/1979	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,5	Đạt	
67	CNTT1825	Nguyễn Như Trang	24/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,5	Đạt	
68	CNTT1826	Nguyễn Thị Trang	05/05/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	Đạt	
69	CNTT1827	Hồ Tuyết Trinh	06/10/1979	Lạng Sơn	Nữ	7,0	6,0	Đạt	
70	CNTT1828	Trần Anh Tuấn	23/01/1999	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	Đạt	
71	CNTT1829	Trần Văn Tùng	07/01/1989	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,5	Đạt	
72	CNTT1830	Nguyễn Thị Tuyết	03/04/2003	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,5	Đạt	
73	CNTT1831	Nông Thị Tú Uyên	30/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt	
74	CNTT1832	Ngọc Thị Vân	14/10/1994	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	Đạt	
75	CNTT1833	Phạm Thị Xuân	10/04/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: 75

Số thí sinh vắng thi: 0

Số thí sinh dự thi: 75

Số thí sinh đạt yêu cầu: 75

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Công Thành